

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ BÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *1866* /QĐ-UBND

Trà Bông, ngày *18* tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá rừng phòng hộ  
chuyển sang rừng sản xuất trên địa bàn huyện Trà Bông**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt phương án khai thác rừng trồng phòng hộ chuyển sang rừng sản xuất trên địa bàn huyện Trà Bông;*

*Căn cứ Công văn số 1472/STC-QLGCS ngày 09/6/2021 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi về việc xác định giá khởi điểm để làm cơ sở tổ chức bán đấu giá khai thác rừng trồng phòng hộ chuyển sang rừng sản xuất;*

*Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Công văn số 482/TCKH-NS ngày 11/6/2021 về việc phê duyệt giá khởi điểm để làm cơ sở tổ chức bán đấu giá rừng trồng phòng hộ chuyển sang rừng sản xuất trên địa bàn huyện Trà Bông (trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá số 21411/CNQ.N.VIETTIN JSC ngày 26/4/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín Chi nhánh Quảng Ngãi).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá tài sản rừng phòng hộ chuyển sang rừng sản xuất trên địa bàn huyện Trà Bông với tổng sản lượng dự kiến khai thác 795,21 m<sup>3</sup> (trong đó: Gỗ dân dụng 393,56 m<sup>3</sup>; gỗ nguyên liệu

351,95 m<sup>3</sup>; củi 49,7 m<sup>3</sup>) là 453.878.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng), cụ thể như sau:

Chi tiết theo Phụ lục kèm theo.

Giá khởi điểm được phê duyệt trên là cơ sở để tổ chức thực hiện việc đấu giá, giá này tính toán trên cơ sở trữ lượng gỗ giảm do cơn bão số 9 năm 2020 gây ra so với Phương án ban đầu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt phương án khai thác tại Quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 và đã trừ các chi phí khai thác (Chi phí luống phát rừng trước khi khai thác, chi phí chặt hạ, cắt khúc, bóc vỏ, xếp đống, bốc lên xe, vận chuyển, chi phí vệ sinh rừng sau khai thác).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Trên cơ sở giá khởi điểm được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức bán đấu giá và xử lý số tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản trên theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng huyện; Trưởng các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Trà Bồng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Trà Bồng; Chủ tịch UBND xã Sơn Trà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- C, PVP(NN), CVNN;
- Lưu: VT(HaL).



**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Anh Ngọc**

**PHỤ LỤC**  
**XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỂ ĐÁU GIÁ TỪ KHAI THÁC**  
**RỪNG TRỒNG PHÒNG HỘ CHUYỂN SANG RỪNG SẢN XUẤT**  
 (Kèm theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Trà Bồng)

TT	Hạng mục	ĐVT	Định mức		Khối lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ KHAI THÁC TRỰC TIẾP</b>						<b>300.762.681</b>	
1	Luồng phát rừng trước khai thác (thực bì nhóm 2)	ha	17,20	công/ha	17,25	231.920	68.806.732	
a.	Định mức lao động thiết kế khai thác gỗ rừng trồng theo phương thức chặt trắng toàn diện (áp dụng chung cho các vùng)	m <sup>3</sup>	0,13					Theo mục V.1 - Quyết định số 20/2006/QĐ-BNN ngày 28/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
b.	Đơn giá nhân công tham gia phát rừng bậc 3,5/7, hệ số cấp bậc 1,52	đồng/ngày				219.196		
2	Chặt hạ, cắt khúc	m <sup>3</sup>	120.000	đồng/m <sup>3</sup>	795,21	120.000	95.424.866	Giá thị trường
3	Bóc vỏ, xếp đồng	m <sup>3</sup>	50.000	đồng/m <sup>3</sup>	795,21	50.000	39.760.361	Giá thị trường
4	Vác gỗ tập trung ra bãi gom	m <sup>3</sup>	100.000	đồng/m <sup>3</sup>	795,21	100.000	79.520.722	Giá thị trường
5	Vệ sinh rừng sau khai thác	ha	5	công/ha	17,25	200.000	17.250.000	Giá thị trường
<b>II</b>	<b>DOANH THU TIÊU THỤ SẢN PHẨM</b>				<b>795,21</b>		<b>754.641.000</b>	
1	Giá bán bình quân 1m <sup>3</sup> gỗ dân dụng tại bãi nơi khai thác (bãi II)	m <sup>3</sup>			393,56	1.100.000	432.916.000	Giá thị trường
2	Giá bán bình quân 1m <sup>3</sup> gỗ nguyên liệu tại bãi nơi khai thác (bãi II)	m <sup>3</sup>			351,95	900.000	316.755.000	Giá thị trường
3	Giá bán bình quân 1m <sup>3</sup> củi tại bãi nơi khai thác (bãi II)	m <sup>3</sup>			49,70	100.000	4.970.000	Giá thị trường
<b>III</b>	<b>GIÁ KHỞI ĐIỂM (III=II-I)</b>						<b>453.878.319</b>	
<b>Làm tròn</b>							<b>453.878.000</b>	

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ba triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng./.

E